

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2023

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Khắc Hiệp

Ông Trần Hữu Chí

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Sang – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Ánh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2023/QĐHPT-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Ái C, sinh năm 1993. Nơi cư trú: số nhà 123/1 ấp AHA, xã AT, huyện TP, tỉnh BT (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Quan K, sinh năm 1989. Nơi cư trú: số nhà 123/1 ấp AHA, xã AT, huyện TP, tỉnh BT (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2022, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn chị Bùi Thị Ái C trình bày:*

Chị Châu và anh Trần Quan K kết hôn vào năm 2015, đăng ký kết hôn ngày 29/01/2015 tại UBND xã AT, huyện TP, tỉnh BT, hôn nhân tự nguyện. Anh chị sống chung có 02 con chung tên Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 12/9/2015 và Trần Thiên A, sinh ngày 22/01/2018. Trong quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu sống hạnh phúc, thời gian gần đây xảy ra nhiều mâu thuẫn mà không giải quyết được. Nay chị C yêu cầu yêu cầu được ly hôn với anh Trần Quan K. Về con chung, chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 12/09/2015 và Trần Thiên A, sinh ngày 22/01/2018, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản

chung: không có, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

**Quá trình tố tụng bị đơn Trần Quan K vắng mặt không có lời trình bày.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử (giải quyết) vụ việc.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS; Bị đơn không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo Điều 70, 72 BLTTDS.

Về nội dung:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 53; Điều 56; Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Ái C:

- Về hôn nhân: chị Bùi Thị Ái C được ly hôn với anh Trần Quan K, chị C không yêu cầu cấp dưỡng sau ly hôn nên không xem xét.

- Về con chung: giao cháu Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 12/9/2015 và cháu Trần Thiên A, sinh ngày 22/01/2018 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh K chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị C trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị Ái C yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Quan K nên căn cứ vào điều 51 Luật Hôn nhân gia đình xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”.

[2] Anh Trần Quan K có nơi cư trú tại xã AT, huyện TP, tỉnh BT. Căn cứ vào Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh BT.

[3] Nguyên đơn chị C có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn anh K vắng mặt không lý do lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị C và anh K theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Ái C và anh Trần Quan K kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Cả hai đều có đủ điều kiện kết hôn và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị Bùi Thị Ái C yêu cầu ly hôn với anh Trần Quan K nguyên nhân

sau khi kết hôn chị Bùi Thị Ái C và anh Trần Quan K có thời gian ngắn sống chung hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, đã ly thân. Còn anh Trần Quan K đã được tòa án triệu tập đến hòa giải và xét xử nhưng anh K không đến tham gia hòa giải và xét xử như vậy anh K không có thiện chí hòa giải với chị C để khắc phục nguyên nhân mất hạnh phúc giữa anh K và chị C. Tòa án tiến hành xác minh ông Bùi Văn S là ba ruột chị C thì ông S cho biết là giữa chị C và anh K có mâu thuẫn trong cuộc sống nên anh K và chị C đã sống ly thân một thời gian. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh K đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh K là có căn cứ. Phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị C không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về con chung: Chị C và anh K có hai con chung là cháu Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 12/09/2015 và Trần Thiên A, sinh ngày 22/01/2018. Chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 12/09/2015 và Trần Thiên A, sinh ngày 22/01/2018. Xét thấy, từ lúc chị C và anh K sống ly thân cho đến nay, chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu A và A, cháu A có nguyện vọng được sống chung với chị C, do đó để đảm bảo về thể chất và tinh thần của cháu Trần Ngọc Bảo A và Trần Thiên A nên để chị C tiếp tục nuôi con là phù hợp. Do chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Chị C trình bày không có tài sản chung, anh K không có ý kiến về tài sản chung nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị C trình bày không có nợ chung, anh K không có ý kiến nợ chung nên không xem xét.

[8] Chị C phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, 147, và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Ái C.

Chị Bùi Thị Ái C được ly hôn với anh Trần Quan K.

Chị Châu không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về con chung: Chị C được trực tiếp nuôi con chung Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 12/09/2015 và Trần Thiên A, sinh ngày 22/01/2018 (theo nguyện vọng của cháu A). Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị C không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con

5 Về tài sản chung: Chị C trình bày không có tài sản chung, anh K không có ý kiến về tài sản chung nên không xem xét.

6 Về nợ chung: Chị C trình bày không có nợ chung, anh K không có ý kiến nợ chung nên không xem xét.

7. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Bùi Thị Ái C phải nộp số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000946 ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

8. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã An Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Thúy